

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công nhận kết quả kỳ thi nâng ngạch công chức**  
**lên chuyên viên chính tỉnh Bình Định năm 2023**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;*

*Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;*

*Căn cứ Công văn số 4920/BNV-CCVC ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Bộ Nội vụ về việc tổ chức thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2023; Công văn số 6819/BNV-CCVC ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Bộ Nội vụ về việc điều chỉnh chỉ tiêu thi nâng ngạch công chức;*

*Theo đề nghị của Hội đồng thi nâng ngạch công chức lên chuyên viên chính tỉnh Bình Định năm 2023 tại Báo cáo số 27/BC-HĐT ngày 22 tháng 01 năm 2024 và đề nghị của Sở Nội vụ tại Báo cáo số 39/BC-SNV ngày 21 tháng 02 năm 2024.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận kết quả kỳ thi nâng ngạch công chức lên chuyên viên chính tỉnh Bình Định năm 2023 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định tổ chức (cụ thể theo Phụ lục đính kèm Quyết định).

**Điều 2.** Cán bộ, công chức trúng tuyển kỳ thi nâng ngạch công chức lên chuyên viên chính được bổ nhiệm và xếp lương ngạch chuyên viên chính (mã số 01.002) kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2024. Thẩm quyền bổ nhiệm và xếp lương ngạch chuyên viên chính thực hiện theo quy định tại Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định.

**Điều 3.** Hội đồng thi nâng ngạch công chức lên chuyên viên chính tỉnh Bình Định năm 2023, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Thủ trưởng các cơ quan liên quan và cán bộ, công chức tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Trưởng ban Ban giám sát;
- Lưu: VT, HĐT, K12.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lâm Hải Giang**

**Phụ lục**  
**KẾT QUẢ KỲ THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC LÊN CHUYÊN VIÊN CHÍNH TỈNH BÌNH ĐỊNH NĂM 2023**  
(Kèm theo Quyết định số       /QĐ-UBND ngày        tháng        năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

| TT | Số báo danh | Họ và tên            | Ngày, tháng, năm sinh | Cơ quan, đơn vị, địa phương            | Môn Kiến thức chung<br>(số câu trả lời đúng/60 câu) | Môn tiếng Anh<br>(số câu trả lời đúng/30 câu) | Môn tin học<br>(số câu trả lời đúng/30 câu) | Môn chuyên môn, nghiệp vụ<br>(chấm theo thang điểm 100) | Kết quả | Ghi chú |
|----|-------------|----------------------|-----------------------|----------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------|---------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------|---------|
| 1  | CVC001      | Lê Hà An             | 24/05/1980            | Ủy ban nhân dân huyện Tây Sơn          | 41                                                  | 29                                            | 29                                          | 59                                                      | Đạt     |         |
| 2  | CVC002      | Nguyễn Hòa An        | 16/11/1987            | Ủy ban nhân dân thị xã An Nhơn         | 59                                                  | 30                                            | Miễn thi                                    | 58                                                      | Đạt     |         |
| 3  | CVC003      | Nguyễn Thị Nghệ An   | 01/02/1974            | Ủy ban nhân dân thị xã Hoài Nhơn       | 55                                                  | 29                                            | 29                                          | 58                                                      | Đạt     |         |
| 4  | CVC004      | Phạm Anh             | 15/10/1980            | Ủy ban nhân dân huyện Phù Cát          | 59                                                  | 29                                            | 30                                          | 53                                                      | Đạt     |         |
| 5  | CVC005      | Thái Ngọc Anh        | 01/09/1963            | Ủy ban nhân dân huyện Hoài Ân          | 51                                                  | Miễn thi                                      | 29                                          | 63                                                      | Đạt     |         |
| 6  | CVC006      | Nguyễn Thị Hồng Ân   | 22/04/1983            | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | 59                                                  | 30                                            | 30                                          | 60                                                      | Đạt     |         |
| 7  | CVC007      | Dương Văn Bát        | 02/09/1980            | Ủy ban nhân dân thị xã Hoài Nhơn       | 53                                                  | 29                                            | 26                                          | 56                                                      | Đạt     |         |
| 8  | CVC008      | Lê Hồ Bắc            | 28/02/1981            | Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh           | 57                                                  | 30                                            | 26                                          | 55                                                      | Đạt     |         |
| 9  | CVC009      | Nguyễn Thị Thanh Bắc | 05/02/1982            | Ủy ban nhân dân huyện Vân Canh         | 52                                                  | Miễn thi                                      | 30                                          | 60                                                      | Đạt     |         |
| 10 | CVC010      | Đặng Thanh Bằng      | 12/08/1980            | Sở Nội vụ                              | 59                                                  | 29                                            | Miễn thi                                    | 64                                                      | Đạt     |         |
| 11 | CVC011      | Nguyễn Công Bằng     | 24/01/1986            | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | 53                                                  | 30                                            | 28                                          | 55                                                      | Đạt     |         |
| 12 | CVC012      | Lê Ngọc Bích         | 24/06/1966            | Sở Tài nguyên và Môi trường            | 59                                                  | Miễn thi                                      | 30                                          | 52                                                      | Đạt     |         |
| 13 | CVC013      | Phan Văn Bích        | 15/06/1968            | Ủy ban nhân dân huyện Hoài Ân          | 53                                                  | 30                                            | 29                                          | 55,5                                                    | Đạt     |         |
| 14 | CVC014      | Kiều Văn Cang        | 26/06/1974            | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | 59                                                  | 29                                            | 30                                          | 58                                                      | Đạt     |         |
| 15 | CVC015      | Nguyễn Đức Chí       | 09/09/1979            | Ủy ban nhân dân huyện Tây Sơn          | 45                                                  | 30                                            | 26                                          | 56                                                      | Đạt     |         |
| 16 | CVC016      | Nguyễn Bá Chiến      | 23/06/1981            | Ủy ban nhân dân huyện Phù Cát          | 59                                                  | 30                                            | 30                                          | 53                                                      | Đạt     |         |
| 17 | CVC017      | Huỳnh Tấn Cường      | 23/09/1981            | Ủy ban nhân dân huyện Phù Mỹ           | 55                                                  | 29                                            | 28                                          | 52                                                      | Đạt     |         |
| 18 | CVC018      | Lương Thanh Cường    | 09/05/1985            | Ủy ban nhân dân huyện Vân Canh         | 59                                                  | Miễn thi                                      | 29                                          | 69                                                      | Đạt     |         |
| 19 | CVC019      | Võ Ngọc Cường        | 13/05/1977            | Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phước        | 56                                                  | 26                                            | 30                                          | 62                                                      | Đạt     |         |
| 20 | CVC020      | Vương Hiệp Cường     | 24/07/1980            | Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phước        | 55                                                  | 27                                            | Miễn thi                                    | 67                                                      | Đạt     |         |
| 21 | CVC021      | Bùi Thị Diên         | 21/05/1978            | Ủy ban nhân dân huyện Vân Canh         | 58                                                  | 26                                            | 30                                          | 55                                                      | Đạt     |         |

| TT | Số báo danh | Họ và tên             | Ngày, tháng, năm sinh | Cơ quan, đơn vị, địa phương            | Môn Kiến thức chung<br>(số câu trả lời đúng/60 câu) | Môn tiếng Anh<br>(số câu trả lời đúng/30 câu) | Môn tin học<br>(số câu trả lời đúng/30 câu) | Môn chuyên môn, nghiệp vụ<br>(chấm theo thang điểm 100) | Kết quả | Ghi chú |
|----|-------------|-----------------------|-----------------------|----------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------|---------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------|---------|
| 22 | CVC022      | Huỳnh Ngọc Diệp       | 20/06/1972            | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | 59                                                  | Miễn thi                                      | 26                                          | 66                                                      | Đạt     |         |
| 23 | CVC023      | Bùi Thị Mỹ Dung       | 11/11/1977            | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | 53                                                  | Miễn thi                                      | 26                                          | 69                                                      | Đạt     |         |
| 24 | CVC024      | Đỗ Thị Mỹ Dung        | 21/06/1985            | Sở Nội vụ                              | 58                                                  | 27                                            | 30                                          | 65                                                      | Đạt     |         |
| 25 | CVC025      | Nguyễn Văn Dũng       | 14/11/1973            | Ủy ban nhân dân huyện Vân Canh         | 54                                                  | Miễn thi                                      | 29                                          | 55                                                      | Đạt     |         |
| 26 | CVC026      | Phan Tấn Duy          | 27/01/1980            | Sở Xây dựng                            | 60                                                  | 28                                            | 30                                          | 58                                                      | Đạt     |         |
| 27 | CVC027      | Nguyễn Thị Đoàn Duyên | 19/03/1983            | Sở Nội vụ                              | 54                                                  | Miễn thi                                      | 30                                          | 57                                                      | Đạt     |         |
| 28 | CVC028      | Nguyễn Quốc Đại       | 01/10/1984            | Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh         | 60                                                  | Miễn thi                                      | 28                                          | 65                                                      | Đạt     |         |
| 29 | CVC029      | Nguyễn Bích Đào       | 03/07/1984            | Ủy ban nhân dân thị xã Hoài Nhơn       | 52                                                  | 29                                            | 30                                          | 71                                                      | Đạt     |         |
| 30 | CVC030      | Trần Thị Định         | 20/10/1980            | Ủy ban nhân dân huyện An Lão           | 59                                                  | 29                                            | Miễn thi                                    | 63                                                      | Đạt     |         |
| 31 | CVC031      | Nguyễn Thị Thu Đông   | 28/06/1988            | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | 52                                                  | 30                                            | 26                                          | 63                                                      | Đạt     |         |
| 32 | CVC032      | Hồ Minh Đức           | 20/11/1965            | Ủy ban nhân dân thành phố Quy Nhơn     | 59                                                  | Miễn thi                                      | Miễn thi                                    | 57                                                      | Đạt     |         |
| 33 | CVC033      | Đoàn Thị Được         | 05/09/1984            | Ủy ban nhân dân thị xã Hoài Nhơn       | 52                                                  | 29                                            | 28                                          | 64                                                      | Đạt     |         |
| 34 | CVC034      | Mai Thị Quỳnh Giao    | 04/01/1989            | Sở Tài chính                           | 59                                                  | 29                                            | 30                                          | 65                                                      | Đạt     |         |
| 35 | CVC035      | Tạ Thị Huỳnh Giao     | 20/04/1982            | Sở Công Thương                         | 50                                                  | 29                                            | 30                                          | 66                                                      | Đạt     |         |
| 36 | CVC036      | Nguyễn Thị Hồng Hà    | 28/06/1983            | Sở Văn hóa và Thể thao                 | 59                                                  | Miễn thi                                      | 30                                          | 51                                                      | Đạt     |         |
| 37 | CVC037      | Nguyễn Thị Hải        | 06/02/1981            | Sở Thông tin và Truyền thông           | 52                                                  | 28                                            | 27                                          | 70                                                      | Đạt     |         |
| 38 | CVC038      | Hồ Thị Mĩ Hằng        | 19/09/1991            | Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh       | 60                                                  | 30                                            | 30                                          | 59                                                      | Đạt     |         |
| 39 | CVC039      | Nguyễn Thị Minh Hạnh  | 22/04/1988            | Ủy ban nhân dân huyện Vân Canh         | 57                                                  | Miễn thi                                      | 23                                          | 65                                                      | Đạt     |         |
| 40 | CVC040      | Đoàn Phước Hậu        | 18/01/1972            | Ủy ban nhân dân thành phố Quy Nhơn     | 59                                                  | 27                                            | 30                                          | 72                                                      | Đạt     |         |
| 41 | CVC041      | Mai Xuân Hậu          | 16/09/1971            | Ủy ban nhân dân huyện Tây Sơn          | 57                                                  | 30                                            | 26                                          | 61                                                      | Đạt     |         |
| 42 | CVC042      | Nguyễn Hữu Hậu        | 18/09/1982            | Sở Văn hóa và Thể thao                 | 59                                                  | 30                                            | 29                                          | 57                                                      | Đạt     |         |
| 43 | CVC043      | Nguyễn Thị Thu Hiền   | 11/07/1980            | Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phước        | 56                                                  | 29                                            | Miễn thi                                    | 60                                                      | Đạt     |         |
| 44 | CVC044      | Lê Hoàng Hiệp         | 07/12/1980            | Ủy ban nhân dân thị xã An Nhơn         | 59                                                  | 30                                            | 30                                          | 65                                                      | Đạt     |         |
| 45 | CVC045      | Hồ Nữ Hồng Hoa        | 30/11/1977            | Ủy ban nhân dân huyện Tây Sơn          | 54                                                  | 28                                            | 29                                          | 56                                                      | Đạt     |         |
| 46 | CVC046      | Nguyễn Đình Hòa       | 01/03/1989            | Sở Xây dựng                            | 59                                                  | 28                                            | 29                                          | 53,5                                                    | Đạt     |         |
| 47 | CVC047      | Võ Thị Thanh Hòa      | 20/07/1985            | Ủy ban nhân dân huyện Phù Cát          | 54                                                  | 30                                            | 28                                          | 64                                                      | Đạt     |         |
| 48 | CVC048      | Đặng Thanh Hoàng      | 07/02/1974            | Ủy ban nhân dân huyện Phù Mỹ           | 56                                                  | 30                                            | 30                                          | 66                                                      | Đạt     |         |

| TT | Số báo danh | Họ và tên           | Ngày, tháng, năm sinh | Cơ quan, đơn vị, địa phương            | Môn Kiến thức chung<br>(số câu trả lời đúng/60 câu) | Môn tiếng Anh<br>(số câu trả lời đúng/30 câu) | Môn tin học<br>(số câu trả lời đúng/30 câu) | Môn chuyên môn, nghiệp vụ<br>(chấm theo thang điểm 100) | Kết quả | Ghi chú |
|----|-------------|---------------------|-----------------------|----------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------|---------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------|---------|
| 49 | CVC049      | Nguyễn Công Hoàng   | 06/07/1979            | Ủy ban nhân dân thành phố Quy Nhơn     | 59                                                  | 30                                            | 28                                          | 60                                                      | Đạt     |         |
| 50 | CVC050      | Nguyễn Đức Hoàng    | 30/08/1986            | Sở Ngoại vụ                            | 59                                                  | 30                                            | 29                                          | 73                                                      | Đạt     |         |
| 51 | CVC051      | Nguyễn Xuân Hoàng   | 26/03/1987            | Sở Kế hoạch và Đầu tư                  | 55                                                  | 29                                            | Miễn thi                                    | 58                                                      | Đạt     |         |
| 52 | CVC052      | Phan Long Hợp       | 28/03/1981            | Ủy ban nhân dân huyện Vân Canh         | 59                                                  | Miễn thi                                      | 28                                          | 69                                                      | Đạt     |         |
| 53 | CVC053      | Nguyễn Xuân Hùng    | 05/06/1969            | Ủy ban nhân dân huyện Tây Sơn          | 51                                                  | 26                                            | 29                                          | 52,5                                                    | Đạt     |         |
| 54 | CVC054      | Tiêu Tấn Hùng       | 30/10/1986            | Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh         | 60                                                  | Miễn thi                                      | 29                                          | 59                                                      | Đạt     |         |
| 55 | CVC055      | Trương Thanh Hùng   | 06/02/1981            | Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh         | 60                                                  | 30                                            | 30                                          | 61                                                      | Đạt     |         |
| 56 | CVC056      | Dương Hiệp Hưng     | 04/11/1986            | Ủy ban nhân dân thành phố Quy Nhơn     | 59                                                  | 30                                            | 28                                          | 53                                                      | Đạt     |         |
| 57 | CVC057      | Nguyễn Quốc Hưng    | 10/03/1989            | Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh         | 54                                                  | 29                                            | 30                                          | 57                                                      | Đạt     |         |
| 58 | CVC058      | Nguyễn Thanh Hưng   | 12/02/1969            | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | 56                                                  | 30                                            | 26                                          | 65                                                      | Đạt     |         |
| 59 | CVC059      | Trần Khánh Hưng     | 07/06/1980            | Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh         | 58                                                  | 30                                            | Miễn thi                                    | 51,5                                                    | Đạt     |         |
| 60 | CVC060      | Trần Việt Hưng      | 10/05/1984            | Sở Thông tin và Truyền thông           | 59                                                  | 29                                            | 28                                          | 56                                                      | Đạt     |         |
| 61 | CVC061      | Phạm Thị Bích Hương | 08/09/1970            | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội    | 58                                                  | 27                                            | 29                                          | 51                                                      | Đạt     |         |
| 62 | CVC062      | Hồ Thị Thu Hường    | 17/04/1971            | Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phước        | 58                                                  | 29                                            | 29                                          | 51                                                      | Đạt     |         |
| 63 | CVC063      | Hồ Hường            | 20/06/1968            | Ủy ban nhân dân thị xã Hoài Nhơn       | 56                                                  | 30                                            | 27                                          | 64                                                      | Đạt     |         |
| 64 | CVC064      | Nguyễn Thị Khanh    | 16/10/1979            | Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh         | 59                                                  | 29                                            | 30                                          | 52                                                      | Đạt     |         |
| 65 | CVC065      | Trần Quý Khanh      | 06/08/1985            | Ủy ban nhân dân thị xã An Nhơn         | 54                                                  | 30                                            | 30                                          | 65                                                      | Đạt     |         |
| 66 | CVC066      | Ngô Vĩnh Khánh      | 21/07/1977            | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | 57                                                  | 29                                            | 28                                          | 56                                                      | Đạt     |         |
| 67 | CVC067      | Nguyễn Văn Khánh    | 23/12/1988            | Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh         | 53                                                  | 30                                            | 30                                          | 66                                                      | Đạt     |         |
| 68 | CVC068      | Huỳnh Ngọc Khuyến   | 12/12/1985            | Sở Nội vụ                              | 60                                                  | 29                                            | 27                                          | 58                                                      | Đạt     |         |
| 69 | CVC069      | Trần Kiên           | 07/08/1981            | Sở Công Thương                         | 57                                                  | 30                                            | Miễn thi                                    | 58,5                                                    | Đạt     |         |
| 70 | CVC070      | Lê Anh Kiệt         | 28/12/1984            | Ủy ban nhân dân thị xã An Nhơn         | 59                                                  | 29                                            | 27                                          | 64                                                      | Đạt     |         |
| 71 | CVC071      | Lê Văn Lành         | 12/03/1971            | Ủy ban nhân dân huyện An Lão           | 57                                                  | Miễn thi                                      | 28                                          | 51                                                      | Đạt     |         |
| 72 | CVC072      | Lê Văn Liêm         | 20/12/1987            | Sở Xây dựng                            | 60                                                  | 29                                            | 28                                          | 63,5                                                    | Đạt     |         |
| 73 | CVC073      | Nguyễn Thị Kim Liên | 16/01/1982            | Ủy ban nhân dân huyện Phù Cát          | 57                                                  | 30                                            | 29                                          | 63                                                      | Đạt     |         |
| 74 | CVC074      | Đinh Thị Linh       | 22/06/1986            | Ủy ban nhân dân huyện An Lão           | 60                                                  | Miễn thi                                      | 28                                          | 66                                                      | Đạt     |         |
| 75 | CVC075      | Nguyễn Hải Linh     | 03/04/1988            | Sở Xây dựng                            | 55                                                  | 29                                            | 28                                          | 64                                                      | Đạt     |         |

| TT  | Số báo danh | Họ và tên            | Ngày, tháng, năm sinh | Cơ quan, đơn vị, địa phương         | Môn Kiến thức chung<br>(số câu trả lời đúng/60 câu) | Môn tiếng Anh<br>(số câu trả lời đúng/30 câu) | Môn tin học<br>(số câu trả lời đúng/30 câu) | Môn chuyên môn, nghiệp vụ<br>(chấm theo thang điểm 100) | Kết quả | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------|-----------------------|-------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------|---------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------|---------|
| 76  | CVC076      | Nguyễn Thị Hồng Linh | 15/01/1978            | Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thạnh    | 59                                                  | 29                                            | 30                                          | 57                                                      | Đạt     |         |
| 77  | CVC077      | Phan Thị Linh        | 27/01/1985            | Sở Tài nguyên và Môi trường         | 54                                                  | 28                                            | 30                                          | 64                                                      | Đạt     |         |
| 78  | CVC078      | Trần Nguyễn Bảo Linh | 16/10/1982            | Sở Du lịch                          | 58                                                  | Miễn thi                                      | 28                                          | 64                                                      | Đạt     |         |
| 79  | CVC079      | Võ Thị Linh          | 13/12/1984            | Sở Tài chính                        | 56                                                  | 29                                            | 30                                          | 62                                                      | Đạt     |         |
| 80  | CVC080      | Nguyễn Thị Bích Lộc  | 06/8/1975             | Ủy ban nhân dân huyện An Lão        | 57                                                  | Miễn thi                                      | 28                                          | 61                                                      | Đạt     |         |
| 81  | CVC081      | Trịnh Thị Mỹ Lợi     | 07/07/1982            | Ủy ban nhân dân huyện Phù Cát       | 58                                                  | 30                                            | 29                                          | 59,5                                                    | Đạt     |         |
| 82  | CVC082      | Nguyễn Thành Long    | 16/11/1978            | Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh      | 59                                                  | 30                                            | 29                                          | 63                                                      | Đạt     |         |
| 83  | CVC083      | Nguyễn Thành Long    | 24/06/1979            | Ban Dân tộc                         | 57                                                  | 29                                            | 30                                          | 51                                                      | Đạt     |         |
| 84  | CVC084      | Huỳnh Thị Phi Luyện  | 01/01/1984            | Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh    | 60                                                  | 30                                            | 25                                          | 64                                                      | Đạt     |         |
| 85  | CVC085      | Phan Hoàng Mai       | 13/02/1970            | Sở Tài chính                        | 54                                                  | 27                                            | Miễn thi                                    | 57                                                      | Đạt     |         |
| 86  | CVC086      | Trần Thị Ngọc Mai    | 26/01/1985            | Ủy ban nhân dân huyện Tây Sơn       | 59                                                  | 30                                            | 30                                          | 60                                                      | Đạt     |         |
| 87  | CVC087      | Võ Thị Tuyết Mai     | 13/08/1983            | Sở Tài nguyên và Môi trường         | 55                                                  | 28                                            | 29                                          | 59                                                      | Đạt     |         |
| 88  | CVC088      | Nguyễn Lê Na         | 07/11/1982            | Sở Ngoại vụ                         | 60                                                  | Miễn thi                                      | 29                                          | 68                                                      | Đạt     |         |
| 89  | CVC089      | Trương Hoài Nam      | 26/05/1977            | Sở Tư pháp                          | 51                                                  | 30                                            | 30                                          | 50                                                      | Đạt     |         |
| 90  | CVC090      | Nguyễn Hà Nghĩa      | 18/05/1986            | Sở Tài chính                        | 59                                                  | Miễn thi                                      | 28                                          | 53,5                                                    | Đạt     |         |
| 91  | CVC091      | Nguyễn Hữu Nghĩa     | 13/08/1979            | Sở Khoa học và Công nghệ            | 53                                                  | 30                                            | 30                                          | 53                                                      | Đạt     |         |
| 92  | CVC092      | Trần Đình Nghĩa      | 25/08/1982            | Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh      | 60                                                  | 29                                            | Miễn thi                                    | 57,5                                                    | Đạt     |         |
| 93  | CVC093      | Bùi Xuân Ngọc        | 04/07/1972            | Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thạnh    | 55                                                  | 30                                            | 29                                          | 51,5                                                    | Đạt     |         |
| 94  | CVC094      | Lê Kim Ngọc          | 14/01/1986            | Sở Du lịch                          | 57                                                  | 30                                            | 28                                          | 70                                                      | Đạt     |         |
| 95  | CVC095      | Phạm Quang Ngọc      | 09/04/1984            | Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh        | 52                                                  | 30                                            | 25                                          | 56                                                      | Đạt     |         |
| 96  | CVC096      | Phan Hoàng Ngọc      | 02/08/1977            | Sở Y tế                             | 55                                                  | Miễn thi                                      | 29                                          | 52                                                      | Đạt     |         |
| 97  | CVC097      | Trần Thúy Ngọc       | 16/06/1990            | Sở Nội vụ                           | 58                                                  | 29                                            | 30                                          | 65                                                      | Đạt     |         |
| 98  | CVC098      | Nguyễn Bảo Nguyên    | 06/01/1984            | Ủy ban nhân dân thành phố Quy Nhơn  | 58                                                  | 30                                            | 30                                          | 63                                                      | Đạt     |         |
| 99  | CVC099      | Trần Thế Nguyên      | 17/08/1985            | Ủy ban nhân dân thị xã Hoài Nhơn    | 58                                                  | 30                                            | 30                                          | 64                                                      | Đạt     |         |
| 100 | CVC100      | Hà Thị Minh Nguyệt   | 05/03/1983            | Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh    | 60                                                  | 29                                            | Miễn thi                                    | 54                                                      | Đạt     |         |
| 101 | CVC101      | Nguyễn Thị Nguyệt    | 24/10/1979            | Ủy ban nhân dân huyện Phù Cát       | 35                                                  | 30                                            | 29                                          | 52,5                                                    | Đạt     |         |
| 102 | CVC102      | Nguyễn Thị Thanh Nhã | 27/04/1972            | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | 59                                                  | 29                                            | 30                                          | 56,5                                                    | Đạt     |         |

| TT  | Số báo danh | Họ và tên             | Ngày, tháng, năm sinh | Cơ quan, đơn vị, địa phương        | Môn Kiến thức chung<br>(số câu trả lời đúng/60 câu) | Môn tiếng Anh<br>(số câu trả lời đúng/30 câu) | Môn tin học<br>(số câu trả lời đúng/30 câu) | Môn chuyên môn, nghiệp vụ<br>(chấm theo thang điểm 100) | Kết quả | Ghi chú |
|-----|-------------|-----------------------|-----------------------|------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------|---------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------|---------|
| 103 | CVC103      | Nguyễn Duy Nhất       | 02/01/1980            | Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thạnh   | 54                                                  | Miễn thi                                      | 27                                          | 64                                                      | Đạt     |         |
| 104 | CVC104      | Lê Hữu Nhật           | 05/12/1987            | Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh       | 59                                                  | 27                                            | 30                                          | 54                                                      | Đạt     |         |
| 105 | CVC105      | Võ Thị Kha Nhi        | 06/12/1983            | Sở Tài nguyên và Môi trường        | 54                                                  | 30                                            | 30                                          | 61                                                      | Đạt     |         |
| 106 | CVC106      | Phạm Thế Nhơn         | 21/10/1986            | Sở Tài nguyên và Môi trường        | 58                                                  | 29                                            | 30                                          | 60,5                                                    | Đạt     |         |
| 107 | CVC107      | Hoàng Thị Tuyết Nhung | 12/04/1976            | Sở Công Thương                     | 53                                                  | 30                                            | 29                                          | 53                                                      | Đạt     |         |
| 108 | CVC108      | Hoàng Ngọc Tổ Nương   | 30/08/1972            | Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phước    | 57                                                  | 29                                            | 27                                          | 54                                                      | Đạt     |         |
| 109 | CVC109      | Nguyễn Thị Kim Oanh   | 10/03/1982            | Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh     | 56                                                  | 29                                            | 30                                          | 62                                                      | Đạt     |         |
| 110 | CVC110      | Lê Văn Pháp           | 12/03/1985            | Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh     | 58                                                  | 29                                            | 30                                          | 73                                                      | Đạt     |         |
| 111 | CVC111      | Nguyễn Tấn Phát       | 10/08/1986            | Sở Xây dựng                        | 52                                                  | 30                                            | 30                                          | 59                                                      | Đạt     |         |
| 112 | CVC112      | Trần Minh Phú         | 25/06/1986            | Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh       | 56                                                  | 28                                            | 30                                          | 62,5                                                    | Đạt     |         |
| 113 | CVC113      | Nguyễn Thành Phúc     | 12/12/1969            | Sở Xây dựng                        | 51                                                  | 29                                            | 28                                          | 51,5                                                    | Đạt     |         |
| 114 | CVC114      | Hà Thị Ngọc Phượng    | 01/01/1983            | Sở Nội vụ                          | 59                                                  | 28                                            | Miễn thi                                    | 51,5                                                    | Đạt     |         |
| 115 | CVC115      | Phan Văn Quang        | 25/03/1982            | Ủy ban nhân dân thị xã Hoài Nhơn   | 56                                                  | 30                                            | 29                                          | 66                                                      | Đạt     |         |
| 116 | CVC116      | Võ Thanh Quang        | 01/01/1974            | Sở Xây dựng                        | 54                                                  | 29                                            | 30                                          | 52                                                      | Đạt     |         |
| 117 | CVC117      | Nguyễn Văn Quý        | 13/12/1983            | Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phước    | 58                                                  | 30                                            | 28                                          | 69                                                      | Đạt     |         |
| 118 | CVC118      | Đào Duy Quốc          | 29/05/1984            | Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phước    | 58                                                  | 30                                            | Miễn thi                                    | 69                                                      | Đạt     |         |
| 119 | CVC119      | Nguyễn Ngọc Sang      | 24/05/1984            | Sở Công Thương                     | 51                                                  | 29                                            | 29                                          | 57,5                                                    | Đạt     |         |
| 120 | CVC120      | Trần Hoàng Sanh       | 15/06/1978            | Ủy ban nhân dân thị xã An Nhơn     | 59                                                  | 29                                            | 29                                          | 56                                                      | Đạt     |         |
| 121 | CVC121      | Huỳnh Thanh Sơn       | 24/11/1978            | Ủy ban nhân dân huyện Tây Sơn      | 51                                                  | 30                                            | 30                                          | 55                                                      | Đạt     |         |
| 122 | CVC122      | Phan Tuấn Sơn         | 03/08/1983            | Sở Văn hóa và Thể thao             | 59                                                  | 29                                            | 28                                          | 54                                                      | Đạt     |         |
| 123 | CVC123      | Trần Thiện Tài        | 30/05/1981            | Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phước    | 58                                                  | 30                                            | 28                                          | 63                                                      | Đạt     |         |
| 124 | CVC124      | Võ Văn Tài            | 06/12/1980            | Ủy ban nhân dân huyện Phù Cát      | 58                                                  | 30                                            | 28                                          | 60                                                      | Đạt     |         |
| 125 | CVC125      | Lữ Hà Tâm             | 02/10/1977            | Ủy ban nhân dân huyện Phù Mỹ       | 54                                                  | 29                                            | 25                                          | 60                                                      | Đạt     |         |
| 126 | CVC126      | Trương Thị Thanh Tâm  | 03/06/1985            | Sở Tài chính                       | 60                                                  | 29                                            | 28                                          | 63,5                                                    | Đạt     |         |
| 127 | CVC127      | Nguyễn Văn Tăng       | 02/02/1966            | Ủy ban nhân dân huyện An Lão       | 53                                                  | Miễn thi                                      | 26                                          | 51                                                      | Đạt     |         |
| 128 | CVC128      | Nguyễn Bảo Cẩm Thạch  | 18/03/1979            | Ủy ban nhân dân thành phố Quy Nhơn | 59                                                  | 29                                            | 30                                          | 65                                                      | Đạt     |         |
| 129 | CVC129      | Nguyễn Vinh Thắng     | 20/12/1984            | Sở Giao thông vận tải              | 54                                                  | 30                                            | 29                                          | 57                                                      | Đạt     |         |

| TT  | Số báo danh | Họ và tên             | Ngày, tháng, năm sinh | Cơ quan, đơn vị, địa phương            | Môn Kiến thức chung<br>(số câu trả lời đúng/60 câu) | Môn tiếng Anh<br>(số câu trả lời đúng/30 câu) | Môn tin học<br>(số câu trả lời đúng/30 câu) | Môn chuyên môn, nghiệp vụ<br>(chấm theo thang điểm 100) | Kết quả | Ghi chú |
|-----|-------------|-----------------------|-----------------------|----------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------|---------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------|---------|
| 130 | CVC130      | Lê Văn Thành          | 24/12/1972            | Ủy ban nhân dân huyện An Lão           | 55                                                  | Miễn thi                                      | 30                                          | 56                                                      | Đạt     |         |
| 131 | CVC131      | Huỳnh Thị Phương Thảo | 24/01/1974            | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội    | 56                                                  | 29                                            | 29                                          | 53                                                      | Đạt     |         |
| 132 | CVC132      | Chế Thanh Thi         | 26/08/1976            | Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phước        | 58                                                  | 26                                            | 30                                          | 50                                                      | Đạt     |         |
| 133 | CVC133      | Đỗ Thị Minh Thi       | 23/10/1986            | Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh           | 53                                                  | 30                                            | 27                                          | 68                                                      | Đạt     |         |
| 134 | CVC134      | Nguyễn Văn Thiện      | 26/04/1980            | Ủy ban nhân dân huyện Hoài Ân          | 57                                                  | 29                                            | 30                                          | 55                                                      | Đạt     |         |
| 135 | CVC135      | Phạm Chí Thịnh        | 02/06/1987            | Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh       | 57                                                  | 30                                            | 27                                          | 61                                                      | Đạt     |         |
| 136 | CVC136      | Lê Xuân Thọ           | 24/04/1987            | Sở Giáo dục và Đào tạo                 | 58                                                  | 29                                            | 30                                          | 59                                                      | Đạt     |         |
| 137 | CVC137      | Đặng Xuân Thoại       | 08/01/1984            | Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh         | 58                                                  | 29                                            | Miễn thi                                    | 53                                                      | Đạt     |         |
| 138 | CVC138      | Phạm Thị Thơm         | 01/01/1983            | Sở Tư pháp                             | 59                                                  | Miễn thi                                      | 30                                          | 69                                                      | Đạt     |         |
| 139 | CVC139      | Võ Thị Mộng Thu       | 02/12/1989            | Sở Tài chính                           | 56                                                  | 30                                            | 29                                          | 60                                                      | Đạt     |         |
| 140 | CVC140      | Nguyễn Thị Kim Thư    | 04/06/1987            | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | 57                                                  | 29                                            | 30                                          | 58                                                      | Đạt     |         |
| 141 | CVC141      | Đinh Thị Thanh Thúy   | 12/09/1989            | Sở Tài chính                           | 56                                                  | 30                                            | 28                                          | 60                                                      | Đạt     |         |
| 142 | CVC142      | Đặng Thị Xuân Thủy    | 15/04/1975            | Sở Giáo dục và Đào tạo                 | 58                                                  | 29                                            | 29                                          | 53                                                      | Đạt     |         |
| 143 | CVC143      | Võ Thị Lệ Thủy        | 24/03/1978            | Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh         | 57                                                  | Miễn thi                                      | 24                                          | 65                                                      | Đạt     |         |
| 144 | CVC144      | Lê Minh Tiến          | 08/11/1976            | Ủy ban nhân dân thành phố Quy Nhơn     | 60                                                  | 30                                            | 29                                          | 59                                                      | Đạt     |         |
| 145 | CVC145      | Trần Đình Tổng        | 19/01/1966            | Ủy ban nhân dân thị xã Hoài Nhơn       | 57                                                  | Miễn thi                                      | 28                                          | 52                                                      | Đạt     |         |
| 146 | CVC146      | Từ Như Huyền Trân     | 08/06/1966            | Sở Văn hóa và Thể thao                 | 59                                                  | Miễn thi                                      | 30                                          | 52                                                      | Đạt     |         |
| 147 | CVC147      | Huỳnh Thanh Trang     | 13/03/1978            | Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phước        | 53                                                  | 28                                            | 29                                          | 52                                                      | Đạt     |         |
| 148 | CVC148      | Trương Xuân Trang     | 20/07/1980            | Sở Ngoại vụ                            | 56                                                  | 29                                            | 29                                          | 61                                                      | Đạt     |         |
| 149 | CVC149      | Trương Thị Thanh Trúc | 01/02/1988            | Sở Tài chính                           | 58                                                  | 29                                            | 28                                          | 58                                                      | Đạt     |         |
| 150 | CVC150      | Huỳnh Trung Trực      | 28/02/1977            | Ủy ban nhân dân huyện Tây Sơn          | 58                                                  | 30                                            | 30                                          | 62                                                      | Đạt     |         |
| 151 | CVC151      | Mai Văn Trực          | 10/12/1986            | Ủy ban nhân dân huyện Văn Canh         | 50                                                  | Miễn thi                                      | 29                                          | 60                                                      | Đạt     |         |
| 152 | CVC152      | Nguyễn Như Trung      | 18/06/1976            | Ủy ban nhân dân thành phố Quy Nhơn     | 59                                                  | 25                                            | Miễn thi                                    | 61                                                      | Đạt     |         |
| 153 | CVC153      | Trương Văn Trung      | 06/06/1976            | Ủy ban nhân dân huyện Phù Cát          | 55                                                  | 29                                            | 29                                          | 61                                                      | Đạt     |         |
| 154 | CVC154      | Trần Quốc Trường      | 20/07/1980            | Sở Khoa học và Công nghệ               | 59                                                  | 29                                            | 30                                          | 55                                                      | Đạt     |         |
| 155 | CVC155      | Hồ Quốc Tuấn          | 10/10/1981            | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | 52                                                  | 30                                            | Miễn thi                                    | 59                                                      | Đạt     |         |
| 156 | CVC156      | Phan Thanh Tuấn       | 18/12/1983            | Sở Giao thông vận tải                  | 56                                                  | 28                                            | 28                                          | 66                                                      | Đạt     |         |

| TT  | Số báo danh | Họ và tên            | Ngày, tháng, năm sinh | Cơ quan, đơn vị, địa phương     | Môn Kiến thức chung<br>(số câu trả lời đúng/60 câu) | Môn tiếng Anh<br>(số câu trả lời đúng/30 câu) | Môn tin học<br>(số câu trả lời đúng/30 câu) | Môn chuyên môn, nghiệp vụ<br>(chấm theo thang điểm 100) | Kết quả | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------|-----------------------|---------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------|---------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------|---------|
| 157 | CVC157      | Nguyễn Thanh Tùng    | 31/03/1982            | Sở Xây dựng                     | 50                                                  | 30                                            | 29                                          | 60                                                      | Đạt     |         |
| 158 | CVC158      | Nguyễn Thị Kim Tuyến | 01/06/1985            | Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phước | 59                                                  | 28                                            | 30                                          | 58                                                      | Đạt     |         |
| 159 | CVC159      | Đào Thị Bích Vân     | 19/11/1977            | Ủy ban nhân dân huyện Vân Canh  | 53                                                  | Miễn thi                                      | 24                                          | 57                                                      | Đạt     |         |
| 160 | CVC160      | Lê Thị Thu Vân       | 15/09/1989            | Ủy ban nhân dân huyện Vân Canh  | 59                                                  | Miễn thi                                      | 30                                          | 66                                                      | Đạt     |         |
| 161 | CVC161      | Võ Lê Thị Văn        | 07/02/1975            | Ủy ban nhân dân huyện Phù Mỹ    | 51                                                  | 29                                            | 29                                          | 64                                                      | Đạt     |         |
| 162 | CVC162      | Nguyễn Thanh Việt    | 20/07/1977            | Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phước | 59                                                  | 28                                            | 30                                          | 53                                                      | Đạt     |         |
| 163 | CVC163      | Nguyễn Tấn Vinh      | 03/03/1980            | Sở Nội vụ                       | 50                                                  | 30                                            | Miễn thi                                    | 57                                                      | Đạt     |         |
| 164 | CVC164      | Phan Dương Hoàng Vũ  | 28/04/1978            | Sở Xây dựng                     | 59                                                  | 29                                            | 29                                          | 50                                                      | Đạt     |         |
| 165 | CVC165      | Trần Xuân Vương      | 28/06/1985            | Ủy ban nhân dân huyện Phù Cát   | 52                                                  | 29                                            | 30                                          | 61                                                      | Đạt     |         |
| 166 | CVC166      | Lý Văn Vỹ            | 24/02/1968            | Ủy ban nhân dân huyện Phù Mỹ    | 56                                                  | 29                                            | 28                                          | 56                                                      | Đạt     |         |
| 167 | CVC167      | Đinh Nữ Hoàng Yến    | 25/05/1985            | Sở Tài nguyên và Môi trường     | 52                                                  | 29                                            | 29                                          | 50                                                      | Đạt     |         |
| 168 | CVC168      | Lê Thị Kim Yến       | 20/08/1979            | Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh  | 58                                                  | 28                                            | 30                                          | 55                                                      | Đạt     |         |

**Tổng số: 168 thí sinh trúng tuyển./.**